

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 6 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985,

ĐKKHKT: khu 4, xã C, huyện L, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Bị đơn: Anh Bùi Sỹ M, sinh năm 1984,

ĐKKHKT: khu 4, xã C, huyện L, tỉnh P.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Huyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Sỹ M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận. Sau đó một thời gian chị

H đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: chị Trần Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Khánh A, sinh ngày 03/9/2005 và cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 05/4/2007. Cháu A hiện nay đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu B chị H đề nghị Tòa án giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu B thành niên.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Trần Thị H xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Bùi Sỹ M hiện nay đang ở Việt Nam. Anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4, xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh M đến làm việc để yêu cầu anh trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huyền nhưng anh M không đến, không hợp tác nên không có lời trình bày quan điểm trong hồ sơ. Tòa án đã tiến hành xác minh qua ông Bùi Sỹ T và bà Phạm Thị U (bố mẹ đẻ anh M) thì được gia đình cung cấp: hiện anh M đang làm lao động tự do tại địa phương và vẫn đang có mặt ở khu 4, xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Anh M đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc chị Huyền khởi kiện xin ly hôn anh M ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh M, chị Huyền 02 con chung là cháu Bùi Khánh A, và cháu Bùi Khánh B. Cháu Linh hiện đang đi học Đại học ở Hà Nội, còn cháu B hiện đang sống cùng với anh M. Việc học tập, chăm lo đời sống của cháu B đều do một tay anh M lo lắng từ nhỏ cho đến giờ. Ông T, bà U đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh M, chị Huyền ly hôn. Ông T, bà U cũng nhất trí nhận thay anh M các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị Huyền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huyền. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị Huyền được ly hôn anh Bùi Sỹ M. Về

con chung: giao cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 05/4/2007 cho anh Bùi Sỹ M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị Huyền phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu B thành niên. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Trần Thị Huyền phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị H nộp đơn xin ly hôn anh Bùi Sỹ M tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024 của chị Huyền có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Bùi Sỹ M nhưng anh M đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Huyền, anh M.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Bùi Sỹ M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh P vào ngày 01/11/2004. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Xét thấy anh M hiện đang có mặt tại nơi cư trú: khu 4, xã Hà Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh P. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh M các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh M đã nhận được các văn bản này nhưng anh M không đến làm việc, không hợp tác nên được xác định là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh M là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Huyền và anh M đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét

thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Trần Thị Huyền đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Sỹ M là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị Huyền được chấp nhận.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị H và anh M có 02 con chung là cháu Bùi Khánh A, sinh ngày 03/9/2005 và cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 05/4/2007. Hiện nay cháu A đã thành niên nên chị Huyền không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn.

Xét thấy, cháu A hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu B hiện nay đang ở cùng với anh M ở Việt Nam, còn chị Huyền đang ở nước ngoài không có mặt ở Việt Nam. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu B thể hiện mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của cháu B cần giao cháu B cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh M, chị Huyền ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Huyền đối với cháu B là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu B thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bùi Sỹ M.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Bùi Khánh B, sinh ngày 05/4/2007 cho anh Bùi Sỹ M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi cháu B với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu B thành niên.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Trần Thị H (do anh Nguyễn Văn S nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000149 ngày 19/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Chị Trần Thị Huyền còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Bùi Sỹ M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Ngọc Tuấn